

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố thủ tục hành chính mới bổ sung và bãi bỏ được tiếp nhận
tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Công Thương
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1942/TTr-SCT ngày 11/12/2019 và Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số 2952/TTr-VPUK ngày 12/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới bổ sung và bãi bỏ được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước (kèm theo Phụ lục)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và bãi bỏ một số thủ tục hành chính

1. Lĩnh vực hóa chất: Bãi bỏ thủ tục hành chính số 12 (trang 3) phần I Danh mục thủ tục hành chính và (từ trang 48 đến hết trang 50) thuộc phần II Nội dung cụ thể của TTHC được ban hành kèm theo Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của UBND tỉnh Bình Phước về công bố thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tại UBND cấp huyện thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Công thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Lĩnh vực khoa học công nghệ: Bãi bỏ thủ tục hành chính số 14 (trang 4) phần I Danh mục thủ tục hành chính và (từ trang 57 đến hết trang 59) thuộc phần II Nội dung cụ thể của TTHC được ban hành kèm theo Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của UBND tỉnh Bình Phước về công bố thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tại UBND cấp huyện thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Công thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

3. Lĩnh vực An toàn thực phẩm: Bãi bỏ các thủ tục hành chính từ số 32 đến số 35 (trang 4, trang 5) phần I Danh mục thủ tục hành chính và (từ trang 115 đến hết trang 152) thuộc phần II Nội dung cụ thể của TTHC được ban hành kèm theo Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của UBND tỉnh Bình Phước về công bố thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tại UBND cấp huyện thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Công thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND cấp xã; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC (VP Chính phủ);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, TTHCC, KSTTHC;
- Lưu: VT, (Ch).

1CT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Anh Minh

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BỔ SUNG VÀ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2677/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

PHẦN I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

STT	Mã số Hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Trang	Mức DVC
I. Lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện				
1	BCT-BPC-275447	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)	6	4
2	BCT-BPC-275448	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)	12	4
3	BCT-BPC-275449	Cấp gia hạn, điều chỉnh giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)	14	4
4	BCT-BPC-275450	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	18	4
5	BCT-BPC-275451	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	20	4
6	BCT-BPC-275452	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai tại cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	22	4
7	BCT-BPC-275453	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	24	4
8	BCT-BPC-275454	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	26	4
II. Lĩnh vực Dầu khí				

9	BCT-BPC-261806	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210 m ³ đến dưới 5.000 m ³	28	4
10	BCT-BPC-261823	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000 m ³	33	4
11	BCT-BPC-261827	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000 m ³	38	4
III. Lĩnh vực An toàn thực phẩm.				
12	BCT-BPC-275440	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	43	4
13	BCT-BPC-275441	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	58	4
IV. Lĩnh vực thương mại quốc tế:				
14	BCT-BPC-275104-	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	67	4
V. Lĩnh vực công nghiệp địa phương:				
15		Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	71	4

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Mã số Hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Trang	Mức DVC
I. Lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện cấp huyện				
1	BCT-BPC-275455	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai tại công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.	82	2
2	BCT-BPC-275456	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.	84	3
II. Lĩnh vực kinh doanh khí				
3	BCT-BPC-275432	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai	86	1
III. Lĩnh vực Công nghiệp địa phương				
4	BCT-BPC-275010	Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	89	3

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Mã số Hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Trang	Mức DVC
I. Lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện cấp xã				
1	BCT-BPC -	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai tại cho	98	1

	275457	công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã.		
2	BCT-BPC - 275458	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã.	100	2

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BÃI BỎ

1. Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của UBND tỉnh Bình Phước về công bố thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tại UBND cấp huyện thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Công thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

STT	Mã số Hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Trang
I. Lĩnh vực hóa chất			
12	BCT-BPC-254543	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm	48
II. Lĩnh vực khoa học công nghệ			
14	BCT-BPC-254577	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hoá nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	57
III. Lĩnh vực An toàn thực phẩm.			
32	BCT-BPC-275440	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	115
33	BCT-BPC-275441	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	129
34	BCT-BPC-275440	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm.	135
35	BCT-BPC-275441	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm.	146

Phần II
NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH BỔ SUNG,
THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT
CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

1. Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP). Mã số hồ sơ BCT-BPC-275447.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập hồ sơ, nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; cụ thể:

+ Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc tính từ ngày Trung tâm Phục vụ hành chính công chuyển cho Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh yêu cầu người đề nghị cấp giấy phép bổ sung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

+ Trường hợp đủ điều kiện thì tổ chức thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có). Nếu đủ điều kiện cấp phép thì lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định trình UBND tỉnh xem xét cấp phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện. Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép, Sở Công Thương lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Thông báo trình UBND tỉnh phê duyệt để thông báo lý do cho tổ chức, cá nhân biết.

- Bước 3: UBND tỉnh phê duyệt, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (mức độ 4).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với các hoạt động: (i) Xây dựng công trình mới; (ii) Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; (iii) Khoan, đào khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; (iv) Nuôi trồng thủy sản; (v) Xây dựng công trình ngầm bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;

- Bản vẽ thiết kế thi công đối với các hoạt động: (i) Xây dựng công trình mới; (ii) Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; (iii) Khoan, đào khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; (iv) Xây dựng công trình ngầm;

- Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép;

- Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn công trình thủy điện;

- Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy điện

- Văn bản thỏa thuận về sử dụng đất lâu dài hoặc có thời hạn với chủ sử dụng đất hợp pháp.

Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với hoạt động xả nước thải vào công trình thủy điện bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;

- Bản đồ tỷ lệ 1/5.000 khu vực xử lý nước thải, vị trí xả nước thải vào hệ thống công trình thủy điện;

- Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy điện;

- Bản vẽ thiết kế thi công, quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải;

- Kết quả phân tích chất lượng nước của công trình thủy điện tại vị trí xả nước thải; kết quả phân tích chất lượng nước thải trước và sau khi xử lý đối với trường hợp đang xả nước thải vào công trình thủy điện;

- Đề án xả nước thải vào công trình thủy điện đối với trường hợp chưa xả nước thải; báo cáo hiện trạng xả nước thải đối với trường hợp đang xả nước thải vào công trình thủy điện;

- Bản sao giấy tờ quyền sử dụng đất khu vực đặt hệ thống xử lý nước thải.



Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với hoạt động trồng cây lâu năm bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;
- Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép;
- Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn công trình thủy điện;
- Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy điện.

Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;
- Dự án đầu tư được phê duyệt;
- Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép;
- Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn công trình thủy điện;
- Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy điện.

Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;
- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cơ giới đường bộ; phương tiện đường thủy nội địa;
- Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép;
- Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn công trình thủy điện;
- Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy điện

Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với hoạt động nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;

- Bản sao hộ chiếu nổ mìn;

- Sơ họa vị trí khu vực tiến hành các hoạt động đề nghị cấp phép;

- Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động đến việc vận hành và an toàn công trình thủy điện;

- Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy điện.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với các hoạt động: (i) Xây dựng công trình mới; (ii) Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; (iii) Khoan, đào khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; (iv) Xây dựng công trình ngầm: 25 ngày làm việc

- Đối với hoạt động xả nước thải vào công trình thủy điện: 30 ngày làm việc.

- Đối với hoạt động trồng cây lâu năm: 10 ngày làm việc.

- Đối với hoạt động: (i) Du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ; (ii) Nuôi trồng thủy sản; (iii) Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác: 15 ngày làm việc.

- Đối với hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ: 07 ngày làm việc..

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Mẫu đơn, tờ khai hành chính: Mẫu số 01. Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội;
- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;
- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ...tháng ...năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG
TRÌNH THỦY ĐIỆN**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Sở Công Thương.

Tên tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Đề nghị được cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy điện (tên công trình thủy điện) do (tên tổ chức, cá nhân đang quản lý khai thác công trình thủy điện) quản lý với các nội dung sau:

- Tên các hoạt động:
- Nội dung:.....
- Vị trí của các hoạt động.....
- Thời hạn đề nghị cấp phép.....; từ... ngày... tháng năm... đến ngày....tháng... năm

Đề nghị Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và cấp phép cho (tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép) thực hiện các hoạt động trên. Chúng tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của giấy phép.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
(Ký tên, đóng dấu, ký và ghi rõ họ tên)

2. Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP): Mã số hồ sơ BCT-BPC-275448.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập hồ sơ, nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; cụ thể:

+ Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc tính từ ngày Trung tâm Phục vụ hành chính công chuyển cho Sở Công Thương; Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, đối với các hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép không đảm bảo điều kiện cấp giấy phép theo quy định, Sở Công Thương có văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh yêu cầu người đề nghị cấp lại giấy phép bổ sung hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép.

+ Trường hợp đủ điều kiện thì tổ chức thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có). Nếu đủ điều kiện cấp lại giấy phép thì lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định trình UBND tỉnh xem xét cấp lại giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện. Trường hợp không đủ điều kiện cấp lại giấy phép, Sở Công Thương lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Thông báo trình UBND tỉnh phê duyệt để thông báo lý do cho tổ chức, cá nhân biết.

- Bước 3: UBND tỉnh phê duyệt, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (mức độ 4).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp giấy phép bị mất, bị rách, hư hỏng, hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại giấy phép.

- Trường hợp tên của chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức, hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép.

+ Tài liệu chứng minh việc thay đổi tên chủ Giấy phép trực tiếp

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Mẫu đơn, tờ khai hành chính: Không

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp giấy phép bị mất, bị rách, hư hỏng.

- Tên của chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội;

- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện.

3. Cấp gia hạn, điều chỉnh giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP). Mã số hồ sơ: BCT-BPC-275449

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập hồ sơ, nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; cụ thể:

+ Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc tính từ ngày Trung tâm Phục vụ hành chính công chuyển cho Sở Công Thương; Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, đối với các hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép không đảm bảo điều kiện gia giấy phép theo quy định, Sở Công Thương có văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh yêu cầu người đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép bổ sung hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép.

+ Trường hợp đủ điều kiện thì tổ chức thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có). Nếu đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh giấy phép thì lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định trình UBND tỉnh xem xét gia hạn, điều chỉnh giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện. Trường hợp không đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh giấy phép, Sở Công Thương lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Thông báo trình UBND tỉnh phê duyệt để thông báo lý do cho tổ chức, cá nhân biết.

- Bước 3: UBND tỉnh phê duyệt, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tại Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (mức độ 4).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép theo mẫu quy định tại Mẫu 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 67/2018/NĐ-CP;

- Bản vẽ thiết kế thi công bổ sung hoặc Dự án đầu tư bổ sung đối với trường hợp đề nghị Điều chỉnh nội dung giấy phép quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 6 và Khoản 10 Điều 13 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP; báo cáo phân tích chất lượng nước thải đối với trường hợp đề nghị Điều chỉnh nội dung giấy phép quy định tại Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP.

- Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép được cấp;

- Văn bản thỏa thuận của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy điện.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với hoạt động: (i) Xây dựng công trình mới; (ii) Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; (iii) Khoan, đào khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; (iv) Xả nước thải vào công trình thủy điện, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ; (v) Xây dựng công trình ngầm: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu đủ Điều kiện thì cấp giấy phép gia hạn, Điều chỉnh nội dung; trường hợp không đủ Điều kiện thì thông báo lý do không cấp giấy phép.

- Đối với hoạt động: (i) Trồng cây lâu năm; (ii) Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu đủ Điều kiện thì cấp giấy phép gia hạn, Điều chỉnh nội dung; trường hợp không đủ Điều kiện thì thông báo lý do không cấp giấy phép.

- Đối với hoạt động: (i) Du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh dịch vụ; (ii) Nuôi trồng thủy sản; (iii) Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu đủ Điều kiện thì cấp giấy phép gia hạn, Điều chỉnh nội dung; trường hợp không đủ Điều kiện thì thông báo lý do không cấp giấy phép.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Mẫu đơn, tờ khai hành chính: *Mẫu số 02. Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện*

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp cấp điều chỉnh: Nội dung giấy phép có sự thay đổi cần điều chỉnh;
- Đối với trường hợp gia hạn: phải nộp hồ sơ trước thời điểm giấy phép hết hiệu lực ít nhất 45 ngày.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội;
- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;
- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện.

Mẫu đơn kèm theo

Mẫu số 02. Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện

TÊN TỔ CHỨC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
GIA HẠN/ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
TRONG PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN**

Kính gửi: Sở Công Thương

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn/ điều chỉnh nội dung giấy phép:.....

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Đang tiến hành các hoạt độngtrong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện tại vị trí theo giấy phép số.... ngày... tháng... năm... do (Tên cơ quan cấp phép); thời hạn sử dụng giấy phép từ..... đến

Đề nghị Sở Công Thương xem xét và cấp giấy phép cho (tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép) được tiếp tục hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy điện với những nội dung sau:

- Tên các hoạt động đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh nội dung:
- Vị trí của các hoạt động
- Nội dung:
- Thời hạn đề nghị gia hạn...; từ.... ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét và cấp giấy phép cho (tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép) gia hạn (hoặc điều chỉnh) thực hiện các hoạt động trên. Chúng tôi cam kết hoạt động đúng phạm vi được phép và tuân thủ các quy định của giấy phép.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
(Ký tên, đóng dấu, ký và ghi rõ họ tên)

4. Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Mã số hồ sơ: BCT-BPC-275450

a. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh.

- Bước 2: Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; cụ thể:

+ Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc tính từ ngày Trung tâm Phục vụ hành chính chuyên cho Sở Công Thương thụ lý xem xét; Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, đối với các hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện không đảm bảo điều kiện thẩm định, phê duyệt theo quy định, Sở Công Thương có văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh yêu cầu người đề nghị thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện bổ sung hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện.

+ Trường hợp đủ điều kiện thì tổ chức thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có). Nếu đủ điều kiện phê duyệt thì lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Sở Công Thương lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Thông báo trình UBND tỉnh phê duyệt để thông báo lý do cho tổ chức, cá nhân biết.

- Bước 3: UBND tỉnh phê duyệt, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tại Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (mức độ 4).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt
- Dự thảo quy trình
- Báo cáo thuyết minh kết quả tính toán kỹ thuật
- Bản đồ hiện trạng công trình
- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan
- Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- d) Thời hạn giải quyết:** 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.
- đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.
- e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
 - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.
- g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định
- h) Phí, lệ phí:** Không.
- i) Mẫu đơn, tờ khai hành chính:** không
- j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.
- k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội.
 - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện.



5. Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Mã hồ sơ: BCT-BPC-275451

a. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập hồ sơ, nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; cụ thể:

+ Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc tính từ ngày Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chuyển cho Sở Công Thương; Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, đối với các hồ sơ đề nghị điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện không đảm bảo điều kiện điều chỉnh quy trình theo quy định, Sở Công Thương có văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh yêu cầu người đề nghị điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện bổ sung hồ sơ đề nghị điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện.

+ Trường hợp đủ điều kiện thì tổ chức thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có). Nếu đủ điều kiện phê duyệt điều chỉnh thì lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Sở Công Thương lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Thông báo trình UBND tỉnh phê duyệt để thông báo lý do cho tổ chức, cá nhân biết.

- Bước 3: UBND tỉnh phê duyệt, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tại Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (mức độ 4).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị điều chỉnh
- Dự thảo quy trình
- Báo cáo thuyết minh kết quả tính toán kỹ thuật
- Bản đồ hiện trạng công trình;
- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý năng lượng

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Mẫu đơn, tờ khai hành chính:

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Khi nhu cầu dùng nước hoặc nguồn nước, quy mô, nhiệm vụ công trình thay đổi hoặc quy trình vận hành không còn phù hợp thì phải điều chỉnh quy trình vận hành.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội.

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện.

6. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Mã hồ sơ: BCT-BPC-275452

a. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập hồ sơ, nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; cụ thể:

+ Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc tính từ ngày Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chuyển cho Sở Công Thương thụ lý xem xét; Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, đối với các hồ sơ đề nghị Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện không đảm bảo điều kiện thẩm định, phê duyệt theo quy định, Sở Công Thương có văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh yêu cầu người đề nghị Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện bổ sung hồ sơ đề nghị Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện.

+ Trường hợp đủ điều kiện thì tổ chức thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có). Nếu đủ điều kiện phê duyệt thì lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Sở Công Thương lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Thông báo trình UBND tỉnh phê duyệt để thông báo lý do cho tổ chức, cá nhân biết.

- Bước 3: UBND tỉnh phê duyệt, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tại Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (mức độ 4).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án;
- Dự thảo phương án;
- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;
- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Các tài liệu khác liên quan kèm theo (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- d) Thời hạn giải quyết:** 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.
- e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
 - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý năng lượng.
- g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định.
- h) Phí, lệ phí:** Không.
- i) Mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Không
- j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.
- k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội.
 - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện.



7. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
Mã hồ sơ: BCT-BPC - 275453.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập hồ sơ, nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; cụ thể:

+ Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc tính từ ngày Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chuyển cho Sở Công Thương; Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, đối với các hồ sơ đề nghị Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện không đảm bảo điều kiện thẩm định, phê duyệt theo quy định, Sở Công Thương có văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh yêu cầu người đề nghị Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện bổ sung hồ sơ.

+ Trường hợp đủ điều kiện thì tổ chức thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có). Nếu đủ điều kiện phê duyệt thì lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Sở Công Thương lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Thông báo trình UBND tỉnh phê duyệt để thông báo lý do cho tổ chức, cá nhân biết.

- Bước 3: UBND tỉnh phê duyệt, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tại Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (mức độ 4).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt;
- Dự thảo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp;
- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;
- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Các tài liệu khác liên quan kèm theo (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Mẫu đơn, tờ khai hành chính: Không

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội.

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện.



8. Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện. Mã hồ sơ: BCT-BPC-275454.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập hồ sơ, nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; cụ thể:

*+ Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc tính từ ngày Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chuyển cho Sở Công Thương; Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, đối với các hồ sơ đề nghị Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện không đảm bảo điều kiện thẩm định, phê duyệt theo quy định, Sở Công Thương có văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh yêu cầu người đề nghị Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện bổ sung hồ sơ đề nghị Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện.

+ Trường hợp đủ điều kiện thì tổ chức thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có). Nếu đủ điều kiện phê duyệt thì lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện. Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Sở Công Thương lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo dự thảo Tờ trình và dự thảo Thông báo trình UBND tỉnh phê duyệt để thông báo lý do cho tổ chức, cá nhân biết.

- Bước 3: UBND tỉnh phê duyệt, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tại Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (mức độ 4).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị phê duyệt;
- Phương án cấm mốc chỉ giới.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Công Thương có trách nhiệm tổ chức thẩm định:

Trường hợp nội dung phương án cấm mốc chỉ giới phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và đặc điểm nơi xây dựng đập, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt.

Trường hợp nội dung phương án cấm mốc chỉ giới không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành hoặc không phù hợp với đặc điểm nơi xây dựng đập, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành văn bản yêu cầu chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện điều chỉnh, bổ sung phương án cấm mốc chỉ giới.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Mẫu đơn, tờ khai hành chính: Không

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Các trường hợp phải cấm mốc chỉ giới:

- Đập của hồ chứa thủy điện có dung tích từ 500.000 m³ trở lên;
- Đập có chiều cao từ 15m trở lên.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện.

II. LĨNH VỰC DẦU KHÍ

9. Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210 m³ đến dưới 5.000 m³. Mã hồ sơ: BCT-BPC-261806

a Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Doanh nghiệp nộp 09 (chín) bộ hồ sơ đề nghị Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210 m³ đến dưới 5.000 m³ tại bộ phận tiếp nhận của ngành Công Thương thuộc Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước

- Bước 2: Trong thời gian 05 (năm) ngày thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, phải có văn bản thông báo cho Doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định

- Bước 4: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Phòng Quản lý Thương mại, Sở Công Thương gửi hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu tới các thành viên Hội đồng thẩm định để lấy ý kiến đóng góp;

- Bước 5: Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu các uỷ viên Hội đồng thẩm định phải gửi ý kiến nhận xét bằng văn bản tới Sở Công Thương để tổng hợp

- Bước 6: Trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc sau khi nhận được ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định, Phòng Quản lý Thương mại, Sở Công Thương tổng hợp ý kiến và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định về việc tổ chức họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu. Hội đồng thẩm định tiến hành họp và thông qua các văn bản: Biên bản phiên họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho xăng dầu, Biên bản kiểm phiếu đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu và Kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định;

- Bước 7: Biên bản phiên họp thông qua bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp thẩm định, nhưng không ít hơn năm mươi phần trăm (50%) số thành viên Hội đồng thẩm định bỏ phiếu đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu đồng thời Chủ đầu tư phải chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu khi có ít nhất một

yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung. Mẫu Biên bản thẩm định và Phiếu đánh giá đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu tại Phụ lục 3 và Phụ lục 4 Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013;

- Bước 8: Không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu khi có trên một phần ba (1/3) số thành viên Hội đồng thẩm định tham dự phiên họp thẩm định bỏ phiếu không đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu;

- Bước 9: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ dự án đã được Chủ đầu tư hoàn chỉnh theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh (Quy hoạch do cấp Tỉnh lập và phê duyệt) xem xét, phê duyệt Quyết định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch. Trường hợp không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, Sở Công Thương phải có văn bản thông báo cho Chủ đầu tư và nêu rõ lý do;

- Bước 10: Trường hợp Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với các dự án đầu tư kho xăng dầu thuộc thẩm quyền thẩm định của Sở Công Thương và thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư 39/2013/TT-BCT. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ, Vụ Kế hoạch, Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, thẩm định báo cáo kết quả của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh trước khi trình Lãnh đạo Bộ xem xét, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch theo quy định. Trường hợp không chấp thuận bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phải thông báo cho Sở Công Thương và nêu rõ lý do

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận của ngành Công Thương thuộc Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị bổ sung quy hoạch đối với dự án đầu tư kho xăng dầu theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ Công thương;

- Bản sao có chứng thực Văn bản chấp thuận về địa điểm đầu tư của cấp có thẩm quyền tại địa phương;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề kinh doanh xăng dầu;

- Báo cáo sơ bộ sự cần thiết của dự án đầu tư, cân đối cung cầu xăng dầu khu vực, sự phù hợp về địa điểm, quy mô; dung tích; các yêu cầu về kỹ thuật an

toàn: Phương án phòng cháy, chữa cháy, phương án bảo vệ môi trường, khoảng cách an toàn công trình kho xăng dầu; tiến độ của dự án đầu tư; tính toán phương án kinh doanh và hiệu quả dự án đầu tư;

- Phương án công nghệ dự kiến áp dụng, các thiết bị công nghệ chính đối với công trình kho xăng dầu;

- Hệ thống kỹ thuật và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của công trình;

- Phương án thu xếp vốn đầu tư;

- Bản sao có chứng thực cam kết tài trợ vốn vay của ngân hàng, tổ chức tín dụng (nếu có);

- Bản sao có chứng thực báo cáo tài chính doanh nghiệp ba (3) năm gần nhất doanh nghiệp đã hoạt động trên ba (3) năm, báo cáo tài chính của doanh nghiệp hai (2) năm gần nhất hoặc một (1) năm gần nhất đối với doanh nghiệp mới hoạt động được hai (2) năm hoặc một (1) năm. Doanh nghiệp mới thành lập hoặc hoạt động dưới một (1) năm không phải nộp báo cáo tài chính doanh nghiệp;

- Danh mục các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) đã được áp dụng hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương phù hợp với quy định pháp luật hiện hành;

- Các bản vẽ thiết kế chủ yếu của công trình (bản vẽ mặt bằng, bản vẽ sơ đồ công nghệ, bản vẽ kết nối với hạ tầng kỹ thuật khu vực (giao thông, đô thị...)).

*** Số lượng hồ sơ:** Chín (09) bộ hồ sơ. Trong đó một (1) bộ bao gồm các tài liệu hợp lệ theo quy định và tám (8) bộ là bản chụp.

d. Thời hạn giải quyết: 50 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp.

e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

f. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo kết quả thẩm định.

g. Phí, lệ phí: Theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.

h. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị theo mẫu (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ Công thương)

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

j. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ Công thương : Quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hóa lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng;

- Thông tư số 34/2017/TT-BCT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013.

- Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

PHỤ LỤC

Phụ lục I

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....

....(1)....., ngày..... tháng năm

V/v đề nghị bổ sung dự án
đầu tư kho xăng dầu vào quy
hoạch

Kính gửi: ...(2)..

Thực hiện quy định về trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu vào quy hoạch tại Thông tư số..... /2013/TT-BCT ngày... tháng....năm..... của Bộ trưởng Bộ Công Thương, (Tên Chủ đầu tư) trình (2) Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư kho xăng dầu vào quy hoạch (3).

I. Thông tin chung về dự án đầu tư kho xăng dầu

1. Tên dự án
2. Tên Chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ...)
3. Địa điểm đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu
4. Quy mô, dung tích kho
5. Nguồn vốn đầu tư
6. Các thông tin khác liên quan (nếu có).

II. Danh mục Hồ sơ đề nghị bổ sung dự án đầu tư kho xăng dầu vào Quy hoạch (3) (Theo khoản 2 Điều 4 Thông tư).

(Tên Chủ đầu tư) trình ..(2)... xem xét bổ sung điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu nêu trên vào quy hoạch (3) hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, họ tên và đóng dấu)

10. Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000 m³. Mã hồ sơ: BCT-BPC-261823

a. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000 m³ tại bộ phận tiếp nhận của ngành Công Thương thuộc Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước

- Bước 2: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ Sở Công Thương phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch kho LPG để hoàn chỉnh hồ sơ

- Bước 3: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định

- Bước 4: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương gửi hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG tới các thành viên Hội đồng thẩm định để lấy ý kiến đóng góp. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG các uỷ viên Hội đồng thẩm định phải gửi ý kiến nhận xét bằng văn bản tới Sở Công Thương để tổng hợp

- Bước 5: Trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc sau khi nhận được ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định, Phòng Quản lý Thương mại, Sở Công Thương tổng hợp ý kiến và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định về việc tổ chức họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG. Hội đồng thẩm định tiến hành họp và thông qua các văn bản: Biên bản phiên họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LPG, Biên bản kiểm phiếu đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG và Kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định

- Bước 6: Biên bản phiên họp thông qua bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp thẩm định, nhưng không ít hơn năm mươi phần trăm (50%) số thành viên Hội đồng thẩm định bỏ phiếu đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG đồng thời Chủ đầu tư phải chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG khi có ít nhất một yêu cầu chỉnh



sửa, bổ sung. Mẫu Biên bản thẩm định và Phiếu đánh giá đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG

- Bước 7: Không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG khi có trên một phần ba (1/3) số thành viên Hội đồng thẩm định tham dự phiên họp thẩm định bỏ phiếu không đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG

- Bước 8: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ dự án đã được Chủ đầu tư hoàn chỉnh theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh (Quy hoạch do cấp Tỉnh lập và phê duyệt) xem xét, phê duyệt Quyết định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch. Trường hợp không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG, Sở Công Thương phải có văn bản thông báo cho Chủ đầu tư và nêu rõ lý do.

- Bước 9: Trường hợp Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với các dự án đầu tư kho LPG thuộc thẩm quyền thẩm định của Sở Công Thương và thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư 39/2013/TT-BCT. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ, Vụ Kế hoạch, Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, thẩm định báo cáo kết quả của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh trước khi trình Lãnh đạo Bộ xem xét, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch theo quy định. Trường hợp không chấp thuận bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phải thông báo cho Sở Công Thương và nêu rõ lý do

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận của ngành Công Thương thuộc Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

+ Văn bản đề nghị bổ sung quy hoạch đối với dự án đầu tư kho xăng dầu, kho LNG, kho LNG theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương;

+ Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Văn bản chấp thuận về địa điểm đầu tư của cấp có thẩm quyền tại địa phương nơi có dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG phù hợp với quy hoạch xây dựng hoặc Thỏa thuận về địa điểm đầu tư xây dựng công trình kho LNG chưa có trong quy hoạch xây dựng của cấp có thẩm quyền;

+ Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề kinh doanh LNG;

+ Báo cáo sơ bộ sự cần thiết của dự án đầu tư, cân đối cung cầu LNG khu vực, sự phù hợp về địa điểm, quy mô; dung tích; các yêu cầu về kỹ thuật an toàn: Phương án phòng cháy, chữa cháy, phương án bảo vệ môi trường, khoảng cách an toàn công trình kho LNG; tiến độ của dự án đầu tư; tính toán phương án kinh doanh và hiệu quả dự án đầu tư;

+ Phương án công nghệ dự kiến áp dụng, các thiết bị công nghệ chính đối với công trình kho LNG;

+ Hệ thống kỹ thuật và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của công trình;

+ Phương án thu xếp vốn đầu tư;

+ Bản sao có chứng thực cam kết tài trợ vốn vay của ngân hàng, tổ chức tín dụng (nếu có);

+ Bản sao có chứng thực báo cáo tài chính doanh nghiệp ba (03) năm gần nhất doanh nghiệp đã hoạt động trên ba (03) năm, báo cáo tài chính của doanh nghiệp hai (02) năm gần nhất hoặc một (01) năm gần nhất đối với doanh nghiệp mới hoạt động được hai (02) năm hoặc một (01) năm. Doanh nghiệp mới thành lập hoặc hoạt động dưới một (01) năm không phải nộp báo cáo tài chính doanh nghiệp;

+ Danh mục các Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) đã được áp dụng hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương phù hợp với quy định pháp luật hiện hành;

+ Các bản vẽ thiết kế chủ yếu của công trình (bản vẽ mặt bằng, bản vẽ sơ đồ công nghệ, bản vẽ kết nối với hạ tầng kỹ thuật khu vực (giao thông, đô thị v.v..).

* **Số lượng hồ sơ:** Chín (09) bộ hồ sơ. Trong đó một (1) bộ bao gồm các tài liệu hợp lệ theo quy định và tám (8) bộ là bản chụp.

d. Thời hạn giải quyết: 50 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp.

e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

f. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LNG của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh.

g. Phí, lệ phí: Theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.

h. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị theo mẫu (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ Công thương)

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

j. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ Công thương : Quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hóa lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng;
- Thông tư số 34/2017/TT-BCT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013.
- Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....

....(1)....., ngày..... tháng năm

V/v đề nghị bổ sung dự án
đầu tư kho xăng dầu vào quy
hoạch

Kính gửi: ...(2)..

Thực hiện quy định về trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu vào quy hoạch tại Thông tư số..... /2013/TT-BCT ngày... tháng....năm..... của Bộ trưởng Bộ Công Thương, (Tên Chủ đầu tư) trình (2) Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư kho xăng dầu vào quy hoạch (3).

I. Thông tin chung về dự án đầu tư kho xăng dầu

1. Tên dự án
2. Tên Chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ...)
3. Địa điểm đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu
4. Quy mô, dung tích kho
5. Nguồn vốn đầu tư
6. Các thông tin khác liên quan (nếu có).

II. Danh mục Hồ sơ đề nghị bổ sung dự án đầu tư kho xăng dầu vào Quy hoạch (3) (Theo khoản 2 Điều 4 Thông tư).

(Tên Chủ đầu tư) trình ..(2)... xem xét bổ sung điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu nêu trên vào quy hoạch (3) hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, họ tên và đóng dấu)

11. Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000 m³. Mã hồ sơ: BCT-BPC-261827

a. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000 m³ tại bộ phận tiếp nhận của ngành Công Thương thuộc Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước

- Bước 2: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ Sở Công Thương phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch kho LNG để hoàn chỉnh hồ sơ

- Bước 3: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định

- Bước 4: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương gửi hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG tới các thành viên Hội đồng thẩm định để lấy ý kiến đóng góp. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG các uỷ viên Hội đồng thẩm định phải gửi ý kiến nhận xét bằng văn bản tới Sở Công Thương để tổng hợp

- Bước 5: Trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc sau khi nhận được ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định, Phòng Quản lý Thương mại, Sở Công Thương tổng hợp ý kiến và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định về việc tổ chức họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG. Hội đồng thẩm định tiến hành họp và thông qua các văn bản: Biên bản phiên họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LNG, Biên bản kiểm phiếu đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG và Kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định

- Bước 6: Biên bản phiên họp thông qua bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp thẩm định, nhưng không ít hơn năm mươi phần trăm (50%) số thành viên Hội đồng thẩm định bỏ phiếu đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG đồng thời Chủ đầu tư phải chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG khi có ít nhất một yêu cầu chỉnh

sửa, bổ sung. Mẫu Biên bản thẩm định và Phiếu đánh giá đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG

- Bước 7: Không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG khi có trên một phần ba (1/3) số thành viên Hội đồng thẩm định tham dự phiên họp thẩm định bỏ phiếu không đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG

- Bước 8: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ dự án đã được Chủ đầu tư hoàn chỉnh theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh (Quy hoạch do cấp Tỉnh lập và phê duyệt) xem xét, phê duyệt Quyết định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch. Trường hợp không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG, Sở Công Thương phải có văn bản thông báo cho Chủ đầu tư và nêu rõ lý do.

- Bước 9: Trường hợp Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với các dự án đầu tư kho LNG thuộc thẩm quyền thẩm định của Sở Công Thương và thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư 39/2013/TT-BCT. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ, Vụ Kế hoạch, Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, thẩm định báo cáo kết quả của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh trước khi trình Lãnh đạo Bộ xem xét, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch theo quy định. Trường hợp không chấp thuận bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phải thông báo cho Sở Công Thương và nêu rõ lý do

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận của ngành Công Thương thuộc Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

+ Văn bản đề nghị bổ sung quy hoạch đối với dự án đầu tư kho xăng dầu, kho LNG, kho LNG theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương;

+ Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Văn bản chấp thuận về địa điểm đầu tư của cấp có thẩm quyền tại địa phương nơi có dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG phù hợp với quy hoạch xây dựng hoặc Thỏa thuận về địa điểm đầu tư xây dựng công trình kho LNG chưa có trong quy hoạch xây dựng của cấp có thẩm quyền;

+ Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề kinh doanh LNG;

+ Báo cáo sơ bộ sự cần thiết của dự án đầu tư, cân đối cung cầu LNG khu vực, sự phù hợp về địa điểm, quy mô; dung tích; các yêu cầu về kỹ thuật an toàn: Phương án phòng cháy, chữa cháy, phương án bảo vệ môi trường, khoảng cách an toàn công trình kho LNG; tiến độ của dự án đầu tư; tính toán phương án kinh doanh và hiệu quả dự án đầu tư;

+ Phương án công nghệ dự kiến áp dụng, các thiết bị công nghệ chính đối với công trình kho LNG;

+ Hệ thống kỹ thuật và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của công trình;

+ Phương án thu xếp vốn đầu tư;

+ Bản sao có chứng thực cam kết tài trợ vốn vay của ngân hàng, tổ chức tín dụng (nếu có);

+ Bản sao có chứng thực báo cáo tài chính doanh nghiệp ba (03) năm gần nhất doanh nghiệp đã hoạt động trên ba (03) năm, báo cáo tài chính của doanh nghiệp hai (02) năm gần nhất hoặc một (01) năm gần nhất đối với doanh nghiệp mới hoạt động được hai (02) năm hoặc một (01) năm. Doanh nghiệp mới thành lập hoặc hoạt động dưới một (01) năm không phải nộp báo cáo tài chính doanh nghiệp;

+ Danh mục các Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) đã được áp dụng hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương phù hợp với quy định pháp luật hiện hành;

+ Các bản vẽ thiết kế chủ yếu của công trình (bản vẽ mặt bằng, bản vẽ sơ đồ công nghệ, bản vẽ kết nối với hạ tầng kỹ thuật khu vực (giao thông, đô thị v.v..).

*** Số lượng hồ sơ:** Chín (09) bộ hồ sơ. Trong đó một (1) bộ bao gồm các tài liệu hợp lệ theo quy định và tám (8) bộ là bản chụp.

d. Thời hạn giải quyết: 50 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp.

e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

f. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LNG của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh.

g. Phí, lệ phí: Theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.

h. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị theo mẫu (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ Công thương)

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

j. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ Công thương : Quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hóa lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng;
- Thông tư số 34/2017/TT-BCT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013.
- Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:



Phụ lục I

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....

....(1)....., ngày..... tháng năm

V/v đề nghị bổ sung dự án
đầu tư kho xăng dầu vào quy
hoạch

Kính gửi: ...(2)..

Thực hiện quy định về trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu vào quy hoạch tại Thông tư số..... /2013/TT-BCT ngày... tháng....năm.... của Bộ trưởng Bộ Công Thương, (Tên Chủ đầu tư) trình (2) Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư kho xăng dầu vào quy hoạch (3).

I. Thông tin chung về dự án đầu tư kho xăng dầu

1. Tên dự án
2. Tên Chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ...)
3. Địa điểm đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu
4. Quy mô, dung tích kho
5. Nguồn vốn đầu tư
6. Các thông tin khác liên quan (nếu có).

II. Danh mục Hồ sơ đề nghị bổ sung dự án đầu tư kho xăng dầu vào Quy hoạch (3) (Theo khoản 2 Điều 4 Thông tư).

(Tên Chủ đầu tư) trình ..(2)... xem xét bổ sung điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu nêu trên vào quy hoạch (3) hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, họ tên và đóng dấu)

III. Lĩnh vực An toàn thực phẩm.

12. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện. Mã số hồ sơ: BCT-BPC-275440

a. Trình tự thực hiện :

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm bao gồm: rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo, dụng cụ, vật liệu bao gói chuyên dụng gắn liền và chỉ sử dụng cho các sản phẩm thực phẩm trên thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương (sau đây gọi là cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm) nộp (01) bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại bộ phận tiếp nhận của ngành Công Thương thuộc Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước

Về thẩm định và cấp Giấy chứng nhận:

- Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có trách nhiệm Tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ phải có văn bản thông báo và yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ. Quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không có phản hồi, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận có quyền hủy hồ sơ.

- Thành lập Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở: Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền Tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở, Sở Công Thương thành lập Đoàn thẩm định thực tế. Đoàn thẩm định gồm từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên, trong đó phải có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên làm công tác chuyên môn hoặc quản lý về an toàn thực phẩm. Trưởng đoàn thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở.

- Nội dung thẩm định thực tế tại cơ sở

+ Đối chiếu thông tin và kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận gửi cơ quan có thẩm quyền với hồ sơ gốc lưu tại cơ sở;

+ Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở theo quy định.

- Kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở:

+ Kết quả thẩm định phải ghi rõ “Đạt” hoặc “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” vào Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm;

+ Đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp, cơ sở được cấp Giấy chứng nhận khi các điều kiện kinh doanh của ít nhất một nhóm sản phẩm được đánh giá

“Đạt”. Các nhóm sản phẩm đạt yêu cầu theo quy định sẽ được ghi vào Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

+ Trường hợp “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” phải ghi rõ lý do trong Biên bản thẩm định. Trường hợp “Chờ hoàn thiện”, thời hạn khắc phục tối đa là 60 (sáu mươi) ngày. Sau khi đã khắc phục theo yêu cầu của Đoàn thẩm định, cơ sở phải nộp báo cáo kết quả khắc phục về cơ quan có thẩm quyền để Tổ chức thẩm định lại theo quy định. Thời hạn thẩm định lại tối đa là 13 (mười ba) ngày làm việc tính từ khi cơ quan có thẩm quyền nhận được báo cáo khắc phục;

+ Nếu kết quả thẩm định lại vẫn “không đạt”, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản tới cơ quan quản lý địa phương để giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận;

+ Biên bản thẩm định thực tế tại cơ sở được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, Đoàn thẩm định giữ 01 (một) bản và cơ sở giữ 01 (một) bản.

- Cấp Giấy chứng nhận: Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở.

b. Cách thức thực hiện : Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- + Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;
- + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- + Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm;

+ Giấy xác nhận đủ sức khỏe/Danh sách tổng hợp xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

+ Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm/Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở).

+ Báo cáo kết quả khắc phục (Trường hợp “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện”)

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ (đóng thành quyển)

d. Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

d. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

f. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

g. Phí: Phí thẩm định: 1.000.000 đồng/01 lần/doanh nghiệp.

h. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (Mẫu 1b quy định tại Phụ lục I Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương);

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất (Mẫu 2b quy định tại Phụ lục II Thông tư 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương);

- Báo cáo kết quả khắc phục (Mẫu 4 quy định tại Phụ lục IV Thông tư 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương).

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- + Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế:

- Rượu: nhỏ hơn 03 triệu lít sản phẩm/năm;

- Bia: nhỏ hơn 50 triệu lít sản phẩm/năm;

- Nước giải khát: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;

- Sữa chế biến: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;

- Dầu thực vật: nhỏ hơn 50 ngàn tấn sản phẩm/năm;

- Bánh kẹo: nhỏ hơn 20 ngàn tấn sản phẩm/năm;

- Bột và tinh bột: nhỏ hơn 100 ngàn tấn sản phẩm/năm.

- + Cơ sở bán buôn, bán lẻ thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật;

- + Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại cùng một địa điểm có công suất thiết kế theo quy định tại điểm a mục này;

- + Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc quy định tại khoản 8 và khoản 10 Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ có quy mô sản xuất sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm a mục này.

j. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương về Quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

- Căn cứ Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20 ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp)

Cơ sở sản xuất, kinh doanh (tên giao dịch hợp pháp):

.....

Địa điểm tại:

.....

Điện thoại: Fax:

.....

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh (tên sản phẩm):

.....

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho:

- Cơ sở sản xuất ☐
- Cơ sở kinh doanh ☐
- Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh ☐
- Chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm ☐

(tên cơ

sở).....

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

-
-
-

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)



(1) : kèm theo Danh sách nhóm sản phẩm

(2) : Đối với Chuỗi kinh doanh thực phẩm kèm theo danh sách cơ sở kinh doanh thuộc chuỗi

DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ KINH DOANH THUỘC CHUỖI

(Kèm theo mẫu đơn đề nghị đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm)

STT	Tên cơ sở thuộc chuỗi	Địa chỉ	Thời hạn GCN	Ghi chú
1				
2				
3				

DANH SÁCH NHÓM SẢN PHẨM

(Kèm theo mẫu đơn đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm và cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp)

STT	Tên nhóm sản phẩm	Nhóm sản phẩm kinh doanh đề nghị cấp Giấy chứng nhận
I	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	
1	Nước uống đóng chai	
2	Nước khoáng thiên nhiên	
3	Thực phẩm chức năng	
4	Các vi chất bổ sung vào thực phẩm và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	

5	Phụ gia thực phẩm	
6	Hương liệu thực phẩm	
7	Chất hỗ trợ chế biến thực phẩm	
8	Đá thực phẩm (Nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)	
9	Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
II	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
1	Ngũ cốc	
2	Thịt và các sản phẩm từ thịt	
3	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)	
4	Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả	
5	Trứng và các sản phẩm từ trứng	
6	Sữa tươi nguyên liệu	
7	Mật ong và các sản phẩm từ mật ong	
8	Thực phẩm biến đổi gen	
9	Muối	
10	Gia vị	
11	Đường	
12	Chè	
13	Cà phê	
14	Ca cao	
15	Hạt tiêu	

16	Điều	
17	Nông sản thực phẩm khác	
18	Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
III	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	
1	Bia	
2	Rượu, Cồn và đồ uống có cồn	
3	Nước giải khát	
4	Sữa chế biến	
5	Dầu thực vật	
6	Bột, tinh bột	
7	Bánh, mứt, kẹo	

Mẫu số 02a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH

CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ SẢN XUẤT THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:

.....

- Địa chỉ văn phòng:

.....

- Địa chỉ cơ sở sản xuất:

.....

- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác):

.....

- Điện thoại: Fax

.....

- Mặt hàng sản xuất:

.....

- Công suất thiết kế:

.....

- Tổng số công nhân viên:

.....

- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất:

.....

- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/ tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:

.....

- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:

.....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng sản xuấtm²

- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất:

.....

- Kết cấu nhà xưởng:

.....

- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL:

.....

- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng:

.....

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang thiết bị, dụng cụ hiện có					
1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất					
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm					
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm					
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm					
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng					
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
7	Thiết bị giám sát					
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay					
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu					
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại					

11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm					
II	Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung					
1						
2						
3						

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm
20... **ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH

CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ SẢN XUẤT THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:

.....

- Địa chỉ văn phòng:

.....

- Địa chỉ cơ sở sản xuất:

.....

- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác):

.....

- Điện thoại: Fax

.....

- Mặt hàng sản xuất:

.....

- Công suất thiết kế:

.....

- Tổng số công nhân viên:

.....

- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất:

.....

- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/ tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:

.....

- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:

.....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng sản xuấtm²

- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất:

.....

- Kết cấu nhà xưởng:

.....

- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL:

.....

- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng:

.....

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang thiết bị, dụng cụ hiện có					
1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất					
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm					
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm					
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm					
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng					
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
7	Thiết bị giám sát					
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay					
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu					
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại					



11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm					
II	Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung					
1						
2						

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm

20... ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp)

I. Thông tin chung:

1. Tên Cơ sở:

.....

2. Địa chỉ Cơ sở:

.....

3. Số điện thoại: Fax: Email:

.....

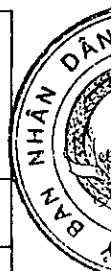
II. Tóm tắt kết quả khắc phục:

TT	Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày...tháng.... năm của.....	Nguyên nhân sai lỗi	Biện pháp khắc phục	Kết quả
1				
2				
3				

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)



13. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện. Mã số hồ sơ: BCT-BPC-275441

a. Trình tự thực hiện:

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương đăng ký hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đến bộ phận tiếp nhận của ngành Công Thương thuộc Trung tâm hành chính công tỉnh Bình Phước;

+ Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại. Trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực. Thủ tục, quy trình cấp lại Giấy chứng nhận thực hiện tương tự trường hợp đề nghị cấp lần đầu.

+ Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại, trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại, trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

1. Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

2. Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm kinh doanh; thay đổi, bổ sung mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

- Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề kinh doanh thực phẩm;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất;

- Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh thực phẩm;

- Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy xác nhận đủ sức khoẻ để kinh doanh thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh.

3. Trường hợp cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình kinh doanh:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

- Bản sao có xác nhận của cơ sở Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

- Bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền văn bản, tài liệu chứng minh sự thay đổi.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ cho mỗi trường hợp

d. Thời hạn giải quyết:

1. Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

2. Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm kinh doanh; thay đổi, bổ sung mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

3. Trường hợp cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ mặt hàng kinh doanh: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

f. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

g. Phí, lệ phí:

1. Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng.

- Phí, lệ phí: Không có.

2. Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm kinh doanh; thay đổi, bổ sung mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực:

- Phí thẩm định: 1.000.000 đồng/01 lần/doanh nghiệp.

3. Trường hợp cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình kinh doanh.

- Phí, lệ phí: Không có

h. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận (Mẫu 1c quy định tại Phụ lục I Thông tư 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương);
- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất (Mẫu 2b quy định tại Phụ lục II Thông tư 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương);
- Báo cáo kết quả khắc phục (Mẫu 4 quy định tại Phụ lục IV Thông tư 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương).

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- + Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế:
 - Rượu: nhỏ hơn 03 triệu lít sản phẩm/năm;
 - Bia: nhỏ hơn 50 triệu lít sản phẩm/năm;
 - Nước giải khát: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;
 - Sữa chế biến: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;
 - Dầu thực vật: nhỏ hơn 50 ngàn tấn sản phẩm/năm;
 - Bánh kẹo: nhỏ hơn 20 ngàn tấn sản phẩm/năm;
 - Bột và tinh bột: nhỏ hơn 100 ngàn tấn sản phẩm/năm.
- + Cơ sở bán buôn, bán lẻ thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật;
- + Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại cùng một địa điểm có công suất thiết kế theo quy định tại điểm a mục này;
- + Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc quy định tại khoản 8 và khoản 10 Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ có quy mô sản xuất sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm a mục này.

j. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật An toàn thực phẩm;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương về Quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;
- Căn cứ Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

Mẫu 1c

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm 20

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp)

Tên cơ sở đề nghị Quý cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất hoặc kinh doanh (tên sản phẩm), cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số ngày cấp

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận (ghi cụ thể trường hợp xin cấp lại theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 4 của Thông tư này):

.....
Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 2b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ KINH DOANH
THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Cơ sở:
- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:
- Điện thoại: Fax
- Giấy phép kinh doanh số: Ngày cấp Nơi cấp
- Loại thực phẩm kinh doanh:
- Phạm vi kinh doanh (*01 tỉnh hay 02 tỉnh trở lên*):
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên đã được cấp Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm:
.....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng kinh doanhm², trong đó diện tích kho hàng.... m².
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh:
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL:
- Nguồn điện cung cấp:
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân:
- Hệ thống thu gom rác thải và xử lý môi trường:
- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy:

2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Năm sản xuất	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	kém	
I	Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có						
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm						
2	Thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm						
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm						
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay						

5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
6	Trang bị bảo hộ						
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát						
II Trang, thiết bị dự kiến bổ sung							
1							
2							
3							
4							
5							

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

....., ngày tháng năm 20

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC IV

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Mẫu 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

I. Thông tin chung:

1. Tên Cơ sở:
2. Địa chỉ Cơ sở:
3. Số điện thoại: Fax: Email:

II. Tóm tắt kết quả khắc phục:

TT	Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày...tháng.... năm của.....	Nguyên nhân sai lỗi	Biện pháp khắc phục	Kết quả
----	---	------------------------	------------------------	---------

1				
2				
3				

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

IV. Lĩnh vực thương mại quốc tế:

14. Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. Mã hồ sơ: B-BCT-BPC-275104

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Bộ phận hành chính công chuyên ngành Công Thương tại Trung tâm Hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân.

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời gian 02 ngày thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định “Đạt”, Sở Công Thương phê duyệt cấp Giấy phép cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 4: Thương nhân nhận kết quả tại bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

Trường hợp Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động tại một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý để chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban Quản lý khác, Hồ sơ chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện bao gồm:

- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện (theo mẫu);

- Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý thương mại

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

g) Phí, lệ phí: không có

h) Tên mẫu đơn, tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (Mẫu MĐ-1, Phụ lục I kèm theo Thông tư 11/2016/TT-BCT)

i) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

Thương nhân nước ngoài và người đứng đầu Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện. Đồng thời phải niêm yết công khai về việc chấm dứt hoạt động tại trụ sở của Văn phòng đại diện và chịu trách nhiệm thực hiện các hợp đồng, thanh toán các khoản nợ, gồm cả nợ thuế và giải quyết đủ quyền lợi hợp pháp cho người lao động đã làm việc tại Văn phòng đại diện, và thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

j) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;

- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa điểm, ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG
CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN.../CHI NHÁNH ... TẠI VIỆT NAM

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Bình Phước

Tên thương nhân: ...(ghi bằng chữ in hoa tên thương nhân bằng tiếng Anh)....

Tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam: (ghi bằng chữ in hoa tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh trong Giấy phép thành lập):

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh số.....Ngày cấp: .../.../.....

Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh theo Giấy phép thành lập)

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có)

Thời hạn hoạt động: từ ngày.... tháng... năm.... đến ngày... tháng... năm.....

¹¹Thông báo việc thanh toán (hoặc chưa thanh toán) các khoản nợ và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan đến việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện.../Chi nhánh...:

1. Thuế:

2. Bảo hiểm xã hội:.....

3. Các khoản khác:.....

4. Các nghĩa vụ khác (nếu có):

Đề nghị chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện.../Chi nhánh tại Việt Nam:
Từ ngày...tháng...năm...

Lý do chấm dứt hoạt động:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Thông báo này.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP, pháp luật Việt Nam liên quan đến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện/Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam./

Đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

V. Lĩnh vực công nghiệp địa phương:

15. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh

a. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập hồ sơ gửi cho bộ phận tiếp nhận của Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời gian 03 ngày thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Trong vòng 05 (Năm) ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định “Đạt”, Sở Công Thương phê duyệt cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức đến nhận kết quả tạo Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công.

- Bước 1: Các cơ sở công nghiệp nông thôn gửi hồ sơ đăng ký đến Hội đồng bình chọn cấp huyện. UBND cấp huyện tổng hợp hồ sơ, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét tiếp nhận hồ sơ và chuyển về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công Thương tham mưu thành lập Hội đồng bình chọn cấp tỉnh.

- Thành lập Ban giám khảo và Tổ chuyên môn giúp việc; tổ chức bình chọn; trình UBND cấp tỉnh phê duyệt kết quả bình chọn, quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

- Trong thời gian 03 ngày làm việc thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm đạt yêu cầu đến nhận kết quả tạo Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

- Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm của cơ sở công nghiệp nông thôn (theo mẫu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương) kèm theo bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương;

- Bản thuyết minh, mô tả giới thiệu về sản phẩm đăng ký bình chọn (theo mẫu tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương) kèm theo tối thiểu 03 (ba) ảnh màu, cỡ (10 x 15) cm của sản

phẩm được chụp tại các góc độ khác nhau (tối thiểu tại các góc: chính diện, các mặt bên, từ trên xuống);

- Bản sao hợp lệ các tài liệu khác còn giá trị pháp lý liên quan đến sản phẩm (nếu có) như: Chứng chỉ, chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm; giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; giấy khen, bằng khen cho sản phẩm và các giấy tờ liên quan khác”.

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện còn giá trị;

- Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện kèm theo danh sách trích ngang các sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn cấp tỉnh (theo mẫu tại Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương);

Bản sao hợp lệ là bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao (không có chứng thực) xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu.

* Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ hồ sơ bản giấy.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện, cơ sở công nghiệp nông thôn.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Công Thương - Cơ quan thường trực Hội đồng cấp tỉnh.
- Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh.

h) Phí, Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương (Mẫu số 01).

- Bản thuyết minh sản phẩm đăng ký bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương (Mẫu số 02).

- Danh sách trích ngang các sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn cấp tỉnh (theo mẫu tại Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương);

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện được điều chỉnh trong trường hợp: Thay đổi về đăng ký kinh doanh, thay đổi địa điểm trụ sở chính, thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

- Sản phẩm tham gia bình chọn là một sản phẩm hoặc một bộ sản phẩm (sau đây gọi chung là sản phẩm);

- Sản phẩm tham gia bình chọn là sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp do chính cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất và đăng ký tham gia bình chọn;

- Sản phẩm tham gia bình chọn không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường”.

- Sản phẩm tham gia bình chọn phải có khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn, không phải là sản phẩm độc bản, đáp ứng được nhu cầu thị trường;

- Việc bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được đánh giá thông qua các tiêu chí cơ bản sau:

+ Tiêu chí về đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất;

+ Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường;

+ Tiêu chí về tính văn hóa và thẩm mỹ;

+ Tiêu chí khác.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương hướng dẫn về trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

- Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

- Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Điều của *Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.*

Phụ lục số 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT)

.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày...tháng...năm...

**PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA
BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

☐ cấp Huyện	☐ cấp Tỉnh	☐ cấp Khu vực	☐ cấp Quốc gia
------------------------------------	-----------------------------------	--------------------------------------	---------------------------------------

Kính gửi: Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

1. Tên cơ sở công nghiệp nông thôn

Tên viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa có dấu*):

.....
.....

Tên viết tắt (*nếu có*): Mã số (*nếu có*):

.....

Địa chỉ trụ sở

chính:.....

.....
..

Họ và tên người đại diện theo pháp luật:

.....

Chức danh:

Điện thoại: Fax:

.....

Email: Website:

.....

Cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc trong các loại hình sau:

- | | | |
|--|---|---|
| ☐ Công ty cổ phần | ☐ Doanh nghiệp tư nhân | ☐ Trung tâm |
| ☐ Công ty TNHH | ☐ Hợp tác xã | ☐ Cơ sở sản xuất |

☐ Hộ kinh doanh

☐ Khác (ghi rõ loại hình):.....

Tài khoản số: Chủ tài khoản:

Mở tại ngân hàng: Chi nhánh:

2. Thông tin về chi nhánh (nếu có)

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh:

3. Thông tin về địa điểm sản xuất

Tên địa điểm sản xuất: (nếu nằm ngoài trụ sở chính và chi nhánh)
.....

Địa chỉ địa điểm sản xuất:
.....

Các văn bản, giấy tờ liên quan đến địa điểm sản xuất:
.....
..

4. Ngành, nghề kinh doanh chính

Số đăng ký kinh doanh, Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Hộ kinh doanh:.....

Ngày cấp, nơi cấp
.....

Các ngành, nghề kinh doanh chính

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Quy mô vốn, tài sản và lao động

Vốn đăng ký kinh doanh (bằng số; VNĐ):.....

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):
.....

Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):.....

Tổng tài sản theo bảng cân đối kế toán thời gian gần nhất:

.....

Tổng số lao động hiện đang sử dụng:

.....

Trong đó: Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội:

.....

Thu nhập bình quân lao động (*bằng số VNĐ/người*):

.....

6. Tình hình chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước

Các giải thưởng: Huân huy chương, Bằng khen, Giấy khen, giấy chứng nhận đã đạt được:.....

- ☐ Đáp ứng đầy đủ các điều kiện về sản xuất, kinh doanh theo luật định;
- ☐ Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ khác theo luật định;
- ☐ Tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường; đảm bảo các quyền lợi đối với người lao động;
- ☐ Khác (ghi chi tiết)

.....

Sau khi tìm hiểu về Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, chúng tôi tự nguyện đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn như sau:

7. Tên sản phẩm hoặc bộ sản phẩm:

.....

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sản phẩm sau:

- | | |
|--|--|
| ☐ Thủ công mỹ nghệ | ☐ Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm |
| ☐ Thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí | ☐ Khác (ghi rõ nhóm sản phẩm):... |

Chúng tôi cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của sản phẩm, bộ sản phẩm nêu trên; sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường; thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng bình chọn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác đối với các tài liệu, thông tin được cung cấp, kê khai trong hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu./.

Đại diện

Cơ sở công nghiệp nông thôn(Ký,
ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Phụ lục số 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT)

.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng...năm...

THUYẾT MINH, MÔ TẢ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:

.....

Địa chỉ:

Người đại diện: ; Chức vụ:

.....

Điện thoại:

Email:

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên sản phẩm:

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sau:

☐ Thủ công mỹ nghệ

☐ Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm

☐ Thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí

☐ Khác (ghi rõ nhóm sản phẩm):...

Kích cỡ (dài, rộng, cao):

Trọng lượng sản phẩm (kg):

Ký hiệu sản phẩm (nếu có):

Tính năng, công dụng chính của sản phẩm:

II. NỘI DUNG THÔNG TIN CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN SẢN PHẨM

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn, nêu tóm tắt một số nội dung sau:

1. Quy mô sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ

1.1. Quy mô sản xuất và kinh doanh:

Số lượng sản phẩm sản xuất/năm:

Năm trước năm bình
chọn:

Năm tham gia bình
chọn:

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình
chọn:

Trong đó: Số lượng sản phẩm xuất
khẩu/năm:

Năm trước năm bình
chọn:

Năm tham gia bình
chọn:

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình
chọn:

Doanh thu của sản phẩm/năm:

Năm trước năm bình
chọn:

Năm tham gia bình
chọn:

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình
chọn:

Trong đó: Doanh thu của sản phẩm xuất khẩu/năm (nếu
có):

Năm trước năm bình
chọn:

Năm tham gia bình
chọn:

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình
chọn:

Nộp ngân sách nhà nước (năm trước và dự kiến năm hiện tại):

Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản
phẩm:

Tỷ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng trong nước%.

Tỷ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng nhập khẩu%.

Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm:

☐ Đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu của thị trường và người tiêu dùng ☐ Có khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu

☐ Có khả năng sản xuất với số lượng lớn ☐ Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm

☐ Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác

☐ Đánh giá khác (*ghi chi tiết*):...

Tóm tắt quy trình, công nghệ sản xuất sản phẩm:

.....

.....

.....

.....

.....Đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất sản phẩm.

☐ Công nghệ, thiết bị hiện đại; có khả năng tự động hóa trong sản xuất sản phẩm	☐ Công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm đồng bộ, phù hợp với năng lực sản xuất của doanh nghiệp
☐ Công nghệ, thiết bị ít tiêu hao năng lượng, nhiên liệu khi vận hành sản xuất	☐ Công nghệ, thiết bị sản xuất giảm thiểu gây hại môi trường
☐ Đánh giá khác (<i>ghi chi tiết</i>):	

2.2. Về thị trường tiêu thụ:

Thị trường tiêu thụ sản phẩm:

Tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường trong nước%.

Tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường ngoài nước%.

Đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường:

.....

.....

.....

Đánh giá khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (nếu có):

.....

.....

2. Bảo vệ môi trường

Nêu tóm tắt tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất sản phẩm

.....

.....

.....

.....

3. Tính văn hóa, tính thẩm mỹ của sản phẩm

Đánh giá mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc:

.....

Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm:

.....

Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo; hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp:

.....

4. Một số nội dung khác

Các chứng nhận liên quan: Quy định đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc nhóm ngành sản xuất có điều kiện theo quy định pháp luật; (ví dụ: Giấy phép sản xuất; Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm,...).

Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận:

.....

Các giải thưởng, bằng khen, giấy chứng nhận,...đã đạt được:

.....

.....

Tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước:.....

Tham gia các hoạt động công ích xã hội:

.....

Đánh giá các tác động xã hội khác (nếu có):.....

.....

.....

III. TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN

.....

.....

.....

Đại diện
Cơ sở công nghiệp nông thôn
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

PHỤ LỤC SỐ 5

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương)

Tên Cơ quan, đơn vị:

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG
SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN SẢN PHẨM
CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU CẤP.....**

TT	Tên sản phẩm	Cơ sở công nghiệp nông thôn	Địa chỉ	Ghi chú

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng cơ quan/đơn vị
(ký tên và đóng dấu)

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

I. Lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện cấp huyện.

1. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Mã hồ sơ: BCT-BPC- 275455.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công các huyện, thị xã và thành phố. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức.

- Bước 2: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ; tiến hành xem xét, thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt; cụ thể:

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

+ Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trình UBND cấp huyện xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố chuyển kết quả cho Trung tâm Hành chính công các huyện, thị xã và thành phố.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, cá nhân/tổ chức đến nhận kết quả tại Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Hành chính công các huyện, thị xã và thành phố.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (mức độ 4).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án;
- Dự thảo phương án;
- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;
- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Các tài liệu khác liên quan kèm theo (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Kinh tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định.

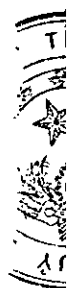
h) Phí, lệ phí: Không.

i) Mẫu đơn, tờ khai hành chính: Không

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội.
- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện.



2. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.
Mã hồ sơ: BCT-BPC - 275456.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công các huyện, thị xã và thành phố. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức.

- Bước 2: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ; tiến hành xem xét, thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt; cụ thể:

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

+ Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trường hợp đủ điều kiện, trình UBND cấp huyện xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố chuyển kết quả cho Trung tâm Hành chính công các huyện, thị xã và thành phố.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, cá nhân/tổ chức đến nhận kết quả tại Bộ phận trả kết quả thuộc Trung tâm Hành chính công các huyện, thị xã và thành phố.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (mức độ 4).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt;
- Dự thảo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp;
- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;
- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Các tài liệu khác liên quan kèm theo (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: 01-bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Kinh tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Mẫu đơn, tờ khai hành chính: Không

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội.

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện.



II. Kinh doanh Khí:

3. Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai. Mã hồ sơ: BCT-BPC-275432

a. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân nộp (01) bộ hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận tại UBND cấp huyện

- Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, UBND cấp huyện có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung;

- Bước 3: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, UBND cấp huyện có trách nhiệm cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai cho thương nhân.

- Bước 4: Thương nhân nhận kết quả tại bộ phận trả kết quả thuộc UBND cấp huyện

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử đến bộ phận tiếp nhận của UBND cấp huyện

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai theo mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP của Chính phủ;

- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân kinh doanh LPG

e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế; Phòng Kinh tế - Hạ tầng,

f. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai

g. Mức thu Phí: 0 đồng

h. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai theo mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp điều chỉnh trong trường hợp: Thay đổi về đăng ký kinh doanh, thay đổi địa điểm về trụ sở chính, thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

j. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;
- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Mẫu đơn, tờ khai kèm theo:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ hợp tác xã/hộ kinh doanh số:..... do.....cấp ngày.....tháng... ..năm.....

Mã số thuế:

Đề nghị UBND huyện/thị xã/thành phố xem xét, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện của hàng bán LPG chai theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.



Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....,ngày....tháng...năm...

Nơi nhận:

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

- Như trên;

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

- Lưu: ...

III. Lĩnh vực Công nghiệp địa phương

4. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện

a) Trình tự thực hiện:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ đề nghị đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện từ các cơ sở công nghiệp nông thôn;

- Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, chấm điểm bình chọn các sản phẩm đáp ứng đủ điều kiện theo quy định để cấp Giấy chứng nhận.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến UBND cấp huyện hoặc thông qua dịch vụ công trực tuyến.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần, trừ ngày lễ, tết theo quy định. Buổi sáng: Từ 07h00 đến 11h30. Buổi chiều: Từ 13h30 đến 17h00.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

- Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm của cơ sở công nghiệp nông thôn (theo mẫu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương) kèm theo bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương;

- Bản thuyết minh, mô tả giới thiệu về sản phẩm đăng ký bình chọn (theo mẫu tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương) kèm theo tối thiểu 03 (ba) ảnh màu, cỡ (10 x 15) cm của sản phẩm được chụp tại các góc độ khác nhau (tối thiểu tại các góc: chính diện, các mặt bên, từ trên xuống);

- Bản sao hợp lệ các tài liệu khác còn giá trị pháp lý liên quan đến sản phẩm (nếu có) như: Chứng chỉ, chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm; giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; giấy khen, bằng khen cho sản phẩm và các giấy tờ liên quan khác”.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thực hiện thủ tục hành chính nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ sở công nghiệp nông thôn.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện.

h) Phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương (Mẫu số 01).

- Bản thuyết minh sản phẩm đăng ký bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương (Mẫu số 02).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện được điều chỉnh trong trường hợp: Thay đổi về đăng ký kinh doanh, thay đổi địa điểm trụ sở chính, thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

- Sản phẩm tham gia bình chọn là một sản phẩm hoặc một bộ sản phẩm (sau đây gọi chung là sản phẩm);

- Sản phẩm tham gia bình chọn là sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp do chính cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất và đăng ký tham gia bình chọn;

- Sản phẩm tham gia bình chọn không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường”.

- Sản phẩm tham gia bình chọn phải có khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn, không phải là sản phẩm độc bản, đáp ứng được nhu cầu thị trường;

- Việc bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được đánh giá thông qua các tiêu chí cơ bản sau:

+ Tiêu chí về đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất;

+ Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường;

+ Tiêu chí về tính văn hóa và thẩm mỹ;

+ Tiêu chí khác.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

- Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương hướng dẫn về trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

- Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

- Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Điều của *Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.*

Phụ lục số 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT)

.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày...tháng...năm...

**PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA
BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

☐ cấp Huyện	☐ cấp Tỉnh	☐ cấp Khu vực	☐ cấp Quốc gia
------------------------------------	-----------------------------------	--------------------------------------	---------------------------------------

Kính gửi: Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

1. Tên cơ sở công nghiệp nông thôn

Tên viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa có dấu*):

.....
.....

Tên viết tắt (*nếu có*): Mã số (*nếu có*):

.....

Địa chỉ trụ sở

chính:.....

.....

Họ và tên người đại diện theo pháp luật:

.....

Chức danh:

Điện thoại: Fax:

.....

Email: Website:

.....

Cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc trong các loại hình sau:

☐ Công ty cổ phần

☐ Doanh nghiệp tư nhân

☐ Trung tâm

☐ Công ty TNHH

☐ Hợp tác xã

☐ Cơ sở sản xuất

☐ Hộ kinh doanh

☐ Khác (*ghi rõ loại*

hình):.....

Tài khoản số: Chủ tài
khoản:

Mở tại ngân hàng: Chi
nhánh:

2. Thông tin về chi nhánh (nếu có)

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh:

3. Thông tin về địa điểm sản xuất

Tên địa điểm sản xuất: (*nếu nằm ngoài trụ sở chính và chi nhánh*)

.....

Địa chỉ địa điểm sản xuất:

.....

Các văn bản, giấy tờ liên quan đến địa điểm sản xuất:

.....

4. Ngành, nghề kinh doanh chính

Số đăng ký kinh doanh, Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Hộ kinh
doanh:.....

Ngày cấp, nơi cấp

.....

Các ngành, nghề kinh doanh chính

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Quy mô vốn, tài sản và lao động

Vốn đăng ký kinh doanh (*bằng số;*
VNĐ):.....

Vốn điều lệ (*bằng số; VNĐ*):

.....

Vốn pháp định (*đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số;*
VNĐ):.....

Tổng tài sản theo bảng cân đối kế toán thời gian gần nhất:

.....

Tổng số lao động hiện đang sử dụng:

.....

Trong đó: Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội:

.....

Thu nhập bình quân lao động (*bằng số VNĐ/người*):

.....

6. Tình hình chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước

Các giải thưởng: Huân huy chương, Bằng khen, Giấy khen, giấy chứng nhận đã đạt được:.....

- ☐ Đáp ứng đầy đủ các điều kiện về sản xuất, kinh doanh theo luật định;
- ☐ Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ khác theo luật định;
- ☐ Tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường; đảm bảo các quyền lợi đối với người lao động;
- ☐ Khác (ghi chi tiết)

Sau khi tìm hiểu về Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, chúng tôi tự nguyện đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn như sau:

7. Tên sản phẩm hoặc bộ sản phẩm:

.....

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sản phẩm sau:

- ☐ Thủ công mỹ nghệ
- ☐ Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm
- ☐ Thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí
- ☐ Khác (ghi rõ nhóm sản phẩm):...

Chúng tôi cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của sản phẩm, bộ sản phẩm nêu trên; sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường; thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng bình chọn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác đối với các tài liệu, thông tin được cung cấp, kê khai trong hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu./.

Đại diện

Cơ sở công nghiệp nông thôn(Ký,
ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Phụ lục số 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

(Tên Cơ sở CNNT)

.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

THUYẾT MINH, MÔ TẢ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn:

.....

Địa chỉ:

Người đại diện: ; Chức vụ:

.....

Điện thoại: ;

Email:

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên sản phẩm:

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sau:

☐ Thủ công mỹ n

☐ Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm

☐ Thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí

☐ Khác (ghi rõ nhóm sản phẩm):...

Kích cỡ (dài, rộng, cao):

Trọng lượng sản phẩm (kg):

Ký hiệu sản phẩm (nếu có):

Tính năng, công dụng chính của sản phẩm:

II. NỘI DUNG THÔNG TIN CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN SẢN PHẨM

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn, nêu tóm tắt một số nội dung sau:

1. Quy mô sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ

1.1. Quy mô sản xuất và kinh doanh:

Số lượng sản phẩm sản xuất/năm:

Năm trước năm bình
chọn:.....

Năm tham gia bình
chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình
chọn:

Trong đó: Số lượng sản phẩm xuất
khẩu/năm:

Năm trước năm bình
chọn:.....

Năm tham gia bình
chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình
chọn:

Doanh thu của sản phẩm/năm:

Năm trước năm bình
chọn:.....

Năm tham gia bình
chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình
chọn:

Trong đó: Doanh thu của sản phẩm xuất khẩu/năm (nếu
có):

Năm trước năm bình
chọn:.....

Năm tham gia bình
chọn:.....

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình
chọn:

Nộp ngân sách nhà nước (năm trước và dự kiến năm hiện tại):

Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản
phẩm:

Tỷ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng trong nước%.

Tỷ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng nhập khẩu%.

Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm:

☐ Đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu của thị trường và người tiêu dùng ☐ Có khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu

☐ Có khả năng sản xuất với số lượng lớn ☐ Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm

☐ Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác

☐ Đánh giá khác (*ghi chi tiết*):...

Tóm tắt quy trình, công nghệ sản xuất sản phẩm:

.....

.....

.....

.....

Đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất sản phẩm.

☐ Công nghệ, thiết bị hiện đại; có khả năng tự động hóa trong sản xuất sản phẩm	☐ Công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm đồng bộ, phù hợp với năng lực sản xuất của doanh nghiệp
☐ Công nghệ, thiết bị ít tiêu hao năng lượng, nhiên liệu khi vận hành sản xuất	☐ Công nghệ, thiết bị sản xuất giảm thiểu gây hại môi trường
☐ Đánh giá khác (<i>ghi chi tiết</i>):	

2.2. Về thị trường tiêu thụ:

Thị trường tiêu thụ sản phẩm:

Tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường trong nước%.

Tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường ngoài nước%.

Đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường:

.....

.....

.....

Đánh giá khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (nếu có):

.....

.....

2. Bảo vệ môi trường

Nêu tóm tắt tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất sản phẩm

.....

.....

.....

.....

3. Tính văn hóa, tính thẩm mỹ của sản phẩm

Đánh giá mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc:

.....

Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm:

.....

Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo; hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp:

.....

4. Một số nội dung khác

Các chứng nhận liên quan: Quy định đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc nhóm ngành sản xuất có điều kiện theo quy định pháp luật; (ví dụ: Giấy phép sản xuất; Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm,...).

Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận:

.....

Các giải thưởng, bằng khen, giấy chứng nhận,...đã đạt được:

.....

.....

Tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước:.....

Tham gia các hoạt động công ích xã hội:

.....

Đánh giá các tác động xã hội khác (nếu có):.....

.....

.....

III. TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN

.....

.....

Đại diện

Cơ sở công nghiệp nông thôn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

I. Lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện cấp xã

1. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã. Mã hồ sơ: BCT-BPC-275457.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đến Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã;
- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, UBND cấp xã có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, UBND cấp xã thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;
- Bước 3: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp xã có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, UBND cấp xã trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.
- Bước 4: Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã trả kết quả cho cá nhân/tổ chức.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (mức độ 4).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án;
- Dự thảo phương án;
- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;
- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Các tài liệu khác liên quan kèm theo (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Mẫu đơn, tờ khai hành chính: Không

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội.

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện.

2. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã. Mã hồ sơ: BCT-BPC - 275458.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đến Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã;
- Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, UBND cấp xã có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, UBND cấp xã thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;
- Bước 3: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp xã có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, UBND cấp xã trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.
- Bước 4: Bộ phận TN&TKQ của UBND cấp xã trả kết quả cho cá nhân/tổ chức.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (mức độ 4).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt;
- Dự thảo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp;
- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;
- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Các tài liệu khác liên quan kèm theo (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Kinh tế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Mẫu đơn, tờ khai hành chính: Không

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội.

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại các đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện.

